

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-10-2019
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;

2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đồng Thị G, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp BT, xã BTH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp BT, xã BTH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bà Đồng Thị G là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng quen biết, được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1988 và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hạnh phúc. Từ năm 2015, ông T bỏ nhà đi ăn chơi, cờ bạc thiếu tiền nên chủ nợ đòi, bà G phải vay mượn trả nợ cho ông T hết 250.000.000 đồng. Đến tháng 6/2017 ông T trở về nhà sinh sống và lấy hết phần đất ao nuôi cá không cho bà G canh tác, vì thương con nên bà G cố gắng nhẫn nhịn. Nhưng bà cố nhẫn nhịn thì ông T càng làm tới, kiếm chuyện chửi mắng và hăm dọa sẽ giết bà G. Vợ chồng luôn

xảy ra mâu thuẫn không thể nào giải quyết được. Nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Sang, sinh năm 1991 và Nguyễn Ngọc Quý, sinh ngày 15/6/1998. Hiện nay con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà G trình bày, vợ chồng có tài sản chung gồm diện tích đất 10.215m², thửa 91, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã BTH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T. Trên đất có căn nhà cấp 4, chiều ngang 10m, chiều dài 22m, diện tích 220m², trị giá nhà và vật dụng trong nhà khoảng 600.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà G yêu cầu chia tài sản chung thành 02 phần, bà G yêu cầu được nhận một phần gồm diện tích đất 5.107,5m² có ao nuôi cá và căn nhà cấp 4 thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã BTH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà G rút lại yêu cầu chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của bà G nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Giấy chứng minh nhân dân của bà Đồng Thị G, Nguyễn Ngọc Quý, Nguyễn Thị Ngọc Sang, và sổ hộ khẩu Nguyễn Ngọc T (photo);

+ Đơn xin xác nhận đất sạt lở của bà Đồng Thị G đề ngày 6/5/2019 (photo);

+ Công văn số 634 ngày 21/6/2019 về việc cung cấp thông tin thửa đất số 91, tờ bản đồ số 7 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL;

+ Trích lục bản đồ địa chính thửa 91, tờ bản đồ số 7 (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đồng Thị G có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*”.

Ông Nguyễn Ngọc T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp BT, xã BTH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Ngọc T là bị đơn trong vụ kiện nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của bà G. Vì vậy, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà G, ông T chung sống với nhau vào năm 1988 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà G, ông T có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, đời sống chung giữa bà G và ông T phát sinh mâu thuẫn nên bà G yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết nội dung bà G yêu cầu xin ly hôn với ông, nhưng ông T không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà G và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà G và ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Sang, sinh năm 1991 và Nguyễn Ngọc Quý, sinh ngày 15/6/1998. Hiện nay con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà G trình bày, vợ chồng có tài sản chung gồm diện tích đất 10.215m², thửa 91, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã BTH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T. Trên đất có căn nhà cấp 4, chiều ngang 10m, chiều dài 22m, diện tích 220m², trị giá nhà và vật dụng trong nhà khoảng 600.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà G yêu cầu chia tài sản chung thành 02 phần, bà G yêu cầu được nhận một phần gồm diện tích đất 5.107,5m² có ao nuôi cá và căn nhà cấp 4 thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã BTH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà G rút lại yêu cầu chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Đồng Thị G do bà G rút yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà G trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, ông T không có ý kiến về vấn đề nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Bà Đồng Thị G phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà G được nhận lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Đồng Thị G.

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Đồng Thị G và ông Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Sang, sinh năm 1991 và Nguyễn Ngọc Quý, sinh ngày 15/6/1998. Hiện nay con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Đồng Thị G do bà G rút yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Bà Đồng Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003050 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Bà Đồng Thị G được nhận lại 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo biên lai số 0003049 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Nhã Quyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Tâm – Hồ Thị Mai Hương

Trần Hữu Hà